

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 894/QĐ-ĐHKG ngày 25 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)*

Tên chương trình: Du lịch (Tourism)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Du lịch

Mã ngành: 7810101

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

1.1 Mục tiêu chung:

Chương trình đại học ngành Du lịch đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức trách nhiệm công dân, có bản lĩnh độc lập tự chủ sáng tạo và say mê nghiên cứu khoa học, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự hoàn thiện bản thân, có sức khỏe tốt và sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Đào tạo những cử nhân có kiến thức chuyên môn sâu về lý thuyết cơ bản và chuyên môn, kỹ năng thực hành thành thạo, đạt chuẩn quy định, làm việc được tại các doanh nghiệp quản lý du lịch, dịch vụ du lịch và lữ hành.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

1.2.1 Về kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên

+ PO1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn;

+ PO2: Trang bị kiến thức về lịch sử, văn hóa, địa lý, phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch cũng như các kiến thức về kinh tế du lịch;

1.2.2 Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng

+ PO3: Hướng dẫn sinh viên vận dụng được kiến thức để phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, có lập trường, tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch;

+ PO4: Có các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;

+ PO5: Phát triển một số kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp như: kỹ năng thuyết trình trước đám đông tạo được sự truyền cảm, nắm bắt thông tin, tâm lý du khách, kỹ năng quan sát;

1.2.3 Về thái độ:

+ PO6: Kích thích tư duy, tạo hứng thú để sinh viên có ý thức trong học tập để giúp sinh viên tin tưởng vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng;

+ PO7: Tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận để vạch ra phương hướng nhận thức khóa học, từ đó giải quyết những vấn đề cấp bách đang diễn ra trong thực tiễn cuộc sống. Giúp sinh viên có ý thức được trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn từ đó làm theo quy luật, tôn trọng quy luật;

+ PO8: Chọn lọc thông tin trong lĩnh vực chuyên ngành của mình thường xuyên để có thái độ ứng xử, xử lý những thay đổi, cập nhật mới một cách phù hợp, hiệu quả.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

2.1. Học phần khối kiến thức đại cương

- PLO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn;

- PLO2: Vận dụng được kiến thức giáo dục An ninh – Quốc phòng và đạt năng lực thể chất;

- PLO3: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT). Việc quy đổi công nhận một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam được thực hiện theo quy định hiện hành;

- PLO4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT);

- PLO5: Thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc, năng lực học tập suốt đời và động cơ khởi nghiệp;

- PLO6: Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng;

2.2. Học phần khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

- PLO7: Vận dụng kiến thức chung về kinh doanh du lịch, kiến thức chuyên sâu về các loại hình du lịch cơ bản như du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch làng nghề, du lịch tôn giáo tâm linh,... vào môi trường làm việc;

- PLO8: Vận dụng kiến thức cơ bản về nghiệp vụ: hướng dẫn du lịch; buồng, bàn, bar; kiến thức về quy trình và thủ tục: tổ chức, điều hành và thiết kế chương trình du lịch.

- PLO9: Phát triển kỹ năng quan sát và xử lý tình huống để giải quyết các vấn đề chuyên môn một cách linh hoạt, hợp lý;

- PLO10: Phát triển kỹ năng thuyết minh, hướng dẫn du lịch để vận dụng phù hợp, hiệu quả trong từng trường hợp cụ thể;
- PLO11: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng hoạt náo trong du lịch.
- (PLO12) Có lập trường chính trị tư tưởng, có năng lực tự chủ và trách nhiệm; biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;
- (PLO13) Duy trì khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn trong lĩnh vực du lịch.

Bảng 1: Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
PO1	x	x											
PO2							x	x					x
PO3						x						x	
PO4			x	x							x		
PO5					x			x		x	x		
PO6						x							
PO7	x				x			x				x	
PO8					x		x		x	x			x

Bảng 2: Kiểm tra mức độ đáp ứng của các CDR CTĐT với khung trình độ Quốc gia (bậc Đại học)

Khung TD QG PLOs	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TCT N1	TCT N2	TCT N3	TCT N4
PLO1		x					x					x			
PLO2		x				x						x			
PLO3	x										x	x	x		
PLO4			x			x			x			x	x		
PLO5					x		x							x	x
PLO6		x								x			x		
PLO7					x				x					x	
PLO8	x			x		x		x	x						x
PLO9	x				x	x		x		x		x		x	

Khung TD QG PLOs	Kiến thức					Kĩ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TCT N1	TCT N2	TCT N3	TCT N4
PLO10	X			X		X				X				X	
PLO11				X			X		X			X			
PLO12		X					X					X			
PLO13	X			X						X		X		X	

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 121 tín chỉ

Bảng 3: Cấu trúc kiến thức của chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	24	4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	77	16
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	32	28	4
2.2	Kiến thức chuyên ngành	51	49	2
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	0	10
Tổng cộng:		121	101	20

Bảng 4: Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	23,1%	x	x	x	x	x	x					x	x	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	76,9%	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	32	34,4%	x		x				x			x		x	x
2.2	Kiến thức chuyên ngành	51	54,8%	x				x	x	x	x	x	x	x		x
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	10,8%	x				x	x		x	x	x	x		x
Tổng cộng		121	100%													

mf

IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
I. Kiến thức giáo dục đại cương			28				
1.1 Khối kiến thức bắt buộc			24				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37	0	8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	0	9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	0	6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	0	8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	0	9	30
6	A25001	Pháp luật đại cương	2	21	0	9	30
7	G25170	Tin học cơ sở	3	30	30	0	60
8	F25011	Tiếng Anh 1	2	15	0	15	30
9	F25012	Tiếng Anh 2	3	21	0	24	45
10	F25013	Tiếng Anh 3	3	21	0	24	45
1.2 Kiến thức bắt buộc (Không tích lũy)			12				
11	Z25010	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	0	30
12	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	0	30
13	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	0	30
14	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	45
15	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30	0	0	30
16	Z25003	Quân sự chung	2	14	16	0	30
17	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	60	0	60
1.3 Kiến thức tự chọn			4				
18	A25002	Âm nhạc đại cương	2	15	30	0	45
19	A25013	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	15	0	15	30

20	A25014	Nghệ thuật giao tiếp	2	15	30	0	45
21	C25001	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	15	30	0	45
22	A25007	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	15	0	15	30
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93				
* Kiến thức cơ sở ngành			32				
2.1 Kiến thức bắt buộc			28				
23	A26208	Nhập môn ngành	1	0	30	0	30
24	A26107	Văn hóa thế giới	2	15	0	15	30
25	A26111	Tổng quan ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam	2	15	0	15	30
26	A26217	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	2	15	0	15	30
27	B27170	Quản trị ẩm thực	3	30	0	15	45
28	A26210	Tổng quan du lịch	2	15	0	15	30
29	A26105	Phong tục và lễ hội ở Việt Nam	3	30	30	0	60
30	A26160	Tâm lý du khách và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	2	15	0	15	30
31	A26094	Luật du lịch Việt Nam và Quốc tế	3	15	0	30	45
32	A26231	Kinh tế du lịch	3	30	0	15	45
33	A26161	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	3	15	30	15	60
34	A26211	Di tích thắng cảnh Việt Nam	2	15	30	0	45
2.2 Kiến thức tự chọn			4				
35	A26158	Du lịch làng nghề	2	15	30	0	45
36	A26159	Du lịch cộng đồng và Homestay	2	15	30	0	45
37	A26129	Quy hoạch du lịch	2	15	0	15	30
38	A26163	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	2	15	0	15	30
* Kiến thức ngành			51				
2.3 Kiến thức bắt buộc			49				

39	A27299	Thủ tục xuất nhập cảnh	2	15	30	0	45
40	B27164	Quản trị kinh doanh hãng lữ hành	3	30	0	15	45
41	B27161	Thiết kế và điều hành Tour du lịch	3	15	60	0	75
42	A27206	Địa lí du lịch Việt Nam	2	15	0	15	30
43	A27158	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	2	15	30	0	45
44	A27139	Du lịch sinh thái	2	15	30	0	45
45	A27142	Nghệp vụ hướng dẫn du lịch	3	15	60	0	75
46	A27341	Tổ chức sự kiện và du lịch MICE	3	15	30	15	60
47	A27157	Danh nhân đất Việt	2	15	30	0	45
48	A27214	Kỹ năng hoạt náo trong du lịch	2	15	30	0	45
49	A27159	Du lịch tôn giáo – tâm linh	3	15	60	0	75
50	A27215	Thực hành nghiệp vụ lữ hành	2	0	60	0	60
51	A27143	Kỹ năng Thuyết minh du lịch	2	15	30	0	45
52	A27138	Du lịch văn hóa	2	15	0	15	30
53	A27160	Văn hóa trang phục Việt Nam	2	15	0	15	30
54	A27300	Kỹ năng giới thiệu sản phẩm du lịch	2	15	0	15	30
55	B27169	Công nghệ phục vụ buồng, bàn, bar	3	15	30	15	60
56	A27217	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120	0	120
57	A27205	Thực tập thực tế	3	0	90	0	90
58	A27342	Dân tộc học	2	15	30	0	45
2.4 Kiến thức tự chọn			2				
59	A27357	Lữ hành nội địa và quốc tế	2	15	0	15	30
60	A27216	Y tế du lịch	2	15	30	0	45
* Khóa luận tốt nghiệp			10				

61	A28001	Khóa luận tốt nghiệp Du lịch	10	0	300	0	300
* Tương đương khóa luận tốt nghiệp			10				
62	A28002	Du lịch bền vững	3	30	0	15	45
63	A28058	Địa lí du lịch thế giới	2	15	0	15	30
64	A28075	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3	30	0	15	45
65	A28004	Du lịch biển đảo	2	15	0	15	30

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành